

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN ĐỒ SƠN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 34/2023/HS-ST  
Ngày 26-9-2023

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Thu Trang

Ông Nguyễn Khắc Quyết

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phúc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. HOÀNG ĐÌNH T, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1981 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình N (đã chết), và bà Đàm Thị N, sinh năm 1939; bị cáo có vợ là Lưu Thị H, sinh năm 1983 và 01 con sinh năm 2005; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; có mặt.

2. ĐỖ VĂN H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 1985 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T, sinh năm 1960 và bà Ninh Thị H, sinh năm 1963; bị cáo có vợ là Lưu Thị H, sinh năm 1985 và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2009, con thứ hai sinh năm 2017; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; có mặt.

3. NGUYỄN TUỜNG T1, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tường H và bà Lưu Thị H

(đều đã chết); bị cáo có vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2015; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; có mặt.

4. PHẠM ĐÌNH L, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1980 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Đình K, sinh năm 1952 và bà Lê Thị L, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2006, con thứ hai sinh năm 2017; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; có mặt.

5. NGUYỄN VIỆT V, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1980 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H, sinh năm 1940 và bà Đoàn Thị S, sinh năm 1941; bị cáo có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1984 và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2008, con thứ hai sinh năm 2012; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; có mặt.

6. LƯU VĂN T2, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn M (đã chết) và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1965; bị cáo có vợ là Đỗ Thị D, sinh năm 1995 và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2015, con thứ hai sinh năm 2023; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; có mặt.

7. PHẠM ĐÌNH L1, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1978 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình K, sinh năm 1952 và bà Lê Thị L, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là Đoàn Thị T, sinh năm 1983 và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2002, con thứ hai sinh năm 2008; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; có mặt.

07 bị cáo cùng bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 15/5/2023 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

*Người làm chứng:* Ông Lưu Văn P, chị Lưu Thị H; đều vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/5/2023, T, L, T1, H đến ngồi chơi, uống nước phòng trong Phòng Kế toán và kỹ thuật của Công ty TNHH T chuyên ngành xây dựng, làm đường do ông Lưu Văn P, sinh năm 1957 (bố vợ T) làm giám đốc, trụ sở Công ty đặt tại nhà ông P có địa chỉ số 280 đường T, phường H, quận Đ, Hải Phòng. Trong lúc ngồi chơi, T rủ L, T1 và Hoà chơi bài tú lơ khơ dưới hình thức đánh

“Liêng”, được thua bằng tiền, cả nhóm cùng đồng ý. T nói vợ - Lưu Thị H, đi mua 01 (một) bộ bài tú lơ khơ về đưa T. Cả nhóm thoả thuận, thống nhất cách chơi như sau: Người chơi sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài, từ lá bài có số “2” đến lá bài có chữ “J”, “Q”, “K”, “A”; mỗi lá bài từ số “2” đến lá bài có chữ “A” gồm có bốn “Chất” (Rô, Cơ, Bích, Tép). Nếu người chơi có 03 lá bài giống nhau về “số” hoặc “chữ”, nhưng khác về “Chất”, được gọi là “Sáp”. Người chơi nào có “Sáp” sẽ thắng tất cả những người còn lại, trong đó “Sáp” lớn nhất là “Sáp” có 03 lá bài có chữ “A”, “Sáp” nhỏ nhất là “Sáp” có 03 lá bài có số “2”. Người có bài “Sáp” được coi là người có bài lớn nhất trong đánh “Liêng”. Người chơi có 03 lá bài nối tiếp nhau thì được gọi là “Liêng”, trong đó “Liêng” lớn nhất có 03 lá bài có chữ “Q, K, A”, “Liêng” nhỏ nhất có 03 lá bài có số “2, 3, 4”. Nếu như mọi người đều có “Liêng” bằng nhau, như “Liêng” “Q, K, A” người thắng là người có “Chất” theo thứ tự là “Rô, Cơ, Bích, Tép”, trong đó “A” là lớn nhất, “Hai” là nhỏ nhất. Bài “Đĩ” là bài lớn thứ ba, thua bài “Sáp” và bài “Liêng”, lớn hơn bài còn lại. Bài “Đĩ” là bài có 03 lá bài có chữ và có hình, bài lớn nhất có 02 lá bài “K” và 01 lá bài “Q”, bài nhỏ nhất có 02 lá bài “J” và 01 lá bài “Q”. Người có bài tính điểm có “số” được coi là bài nhỏ nhất trong đánh “Liêng”. Trong bài tính điểm, lá bài “A” được tính là một điểm, lá bài có số “2” đến lá bài có số “9” được tính theo số điểm tương ứng, lá bài có số “10” đến lá bài có chữ “K” được tính là không điểm. Nếu các bài bằng điểm nhau thì xác định theo “Chất”, trong đó chất “Rô” là lớn nhất, chất “Tép” là nhỏ nhất”. Sau mỗi ván bài, nếu bài của người thắng (người được thu tiền của những người còn lại) có “Sáp” hoặc “Liêng” “Q, K, A” sẽ phải bỏ ra ngoài 20.000 đồng để đi ăn đêm sau khi đánh bạc xong, gọi là “tiền hồ”. Trước khi chia bài, mỗi người tự bỏ 20.000 đồng để trước mặt, gọi là “tiền gà”. Sau đó, người chia bài chia cho mỗi người 03 lá bài. Sau khi xem bài, nếu người chơi cho rằng số điểm của mình lớn nhất thì có quyền đưa thêm tiền gọi là “tố”, số tiền “tố” không được quá 100.000 đồng/01 ván bài. Những người chơi còn lại, nếu cho rằng số điểm của mình cao hơn số điểm của người “tố” thì đồng ý theo số tiền “tố”, người không đồng ý thì sẽ bỏ bài. Sau khi không còn ai “tố” thêm thì những người đã tham gia “tố” sẽ mở bài và so sánh số điểm trên bài của mình với số điểm tại bài của người khác. Ai có điểm cao nhất thì thắng ở ván bài đó và nhận được toàn bộ số tiền đã góp của ván đó, gọi là “tiền gà”. Người thắng ở ván bài trước sẽ là người chia bài, “tố” đầu tiên của ván bài tiếp theo.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, lần lượt T2, L1, V đi đến nhà ông P chơi, thấy mọi người đang chơi bài tú lơ khơ dưới hình thức đánh “Liêng”, được thua bằng tiền nên cùng tham gia. Khi chơi bài, L ngồi gần cửa ra vào, bên trái L là V, lần lượt là T1, Hoà, T, L1, T2. Cả nhóm chơi đến khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày bị Công an quận Đồ Sơn bắt quả tang, lập biên bản thu giữ các vật chứng.

Về vật chứng: Thu giữ tổng số tiền 7.040.000 đồng; trong đó có: 160.000 đồng trên chiếu, thu giữ tại vị trí dưới chân, phía trước mặt nơi mỗi bị cáo ngồi chơi bài gồm: T2 1.950.000 đồng, H 1.880.000 đồng, V 970.000 đồng, T 860.000 đồng, L1 560.000 đồng, L 360.000 đồng, T1 40.000 đồng và 260.000 đồng (tiền hồ) các đối tượng bỏ ra để đi ăn đêm; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ, gồm 52 lá bài; 01 chiếu cói đều đã qua sử dụng. Đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn

quản lý theo Ủy nhiệm chỉ ngày 21/8/2023 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/8/2023.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận toàn bộ về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi các bị cáo cùng nhau thống nhất việc chơi bài tú lơ khơ dưới hình thức đánh “Liêng”, được thua bằng tiền tại nhà ông P, các vấn đề có liên quan như nội dung vụ án đã nêu và khai: Tổng số tiền bị thu giữ tại hiện trường 7.040.000 đồng. Khi bắt đầu đánh bài, H có 1.950.000 đồng; T1 có 1.300.000 đồng; L có 1.300.000 đồng; T có 860.000 đồng; V có 600.000 đồng; L1 có 500.000 đồng; T2 có 530.000 đồng đều dùng vào chơi bài. Đến khi bị phát hiện, bắt quả tang, H thua 70.000 đồng; T1 thua 1.260.000 đồng; L thua 940.000 đồng; T đang hoà; V thắng 370.000 đồng; L1 thắng 60.000 đồng; T2 thắng 1.420.000 đồng.

Tại giai đoạn điều tra, người làm chứng - Ông P, chị H đều khai nhận: Phù hợp với lời khai của các bị cáo về thời gian, địa điểm các bị cáo có mặt tại 01 phòng trong nhà ông ngồi chơi, uống nước, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, khi T nói chị H đi mua 01 (một) bài tú lơ khơ về đưa T. Ông P là chủ nhà, chị H đều không biết các bị cáo dùng bộ bài đó để chơi bài, được thua bằng tiền.

Tại bản Cáo trạng số: 32/CT-VKSKT ngày 12/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố bị cáo Hoàng Đình T cùng 06 đồng phạm đều về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ về thời gian, địa điểm, người khởi xướng để các bị cáo cùng thực hiện hành vi chơi bài tú lơ khơ dưới hình thức đánh “Liêng”, được thua bằng tiền, số tiền bỏ ra khi bắt đầu chơi bài, số tiền được, thua tính đến khi bị bắt, các vấn đề khác có liên quan và còn khai: Các bị cáo đều làm lao động tự do, thu nhập không ổn định; bị cáo V có cha đẻ là thương binh, bị cáo L1, T2 có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự với Nhà nước.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết định khung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân, vai trò của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng; đề xuất về mức hình phạt, xử lý vật chứng, các vấn đề khác cần phải giải quyết trong vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 36, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Hoàng Đình T từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Đỗ Văn H từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Nguyễn Tường T1, Phạm Đình L, mỗi bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Nguyễn Việt V, Phạm Đình L1, Lưu Văn T2, mỗi bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được Quyết định thi hành án. Trừ cho mỗi bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 15/5/2023 vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Do các bị cáo không có việc làm ổn định, thu nhập thấp nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và đề nghị miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo. Các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.040.000 đồng các bị cáo dùng vào đánh bạc; tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tú lơ khơ, gồm 52 lá bài, 01 chiếc cối là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào phạm tội. Theo Ủy nhiệm chi ngày 21/8/2023 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

- Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tài liệu điều tra xác định: Ông Lưu Văn P không biết, không được hưởng lợi từ việc đánh bạc; chị Lưu Thị H đi mua 01 (một) bộ bài tú lơ khơ về đưa T. Nhưng ông P, chị H đều không biết Hoàng Đình T sử dụng bộ bài vào việc đánh bạc tại nhà ông. Nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, các bị cáo không tự bào chữa, không tranh luận, cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người làm chứng - ông P, chỉ H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, họ đều đã có lời khai đầy đủ, phù hợp với lời khai của các bị cáo và T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xác định, sự vắng mặt đó không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh, điều luật áp dụng:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng; sơ đồ, bản ảnh hiện trường sơ đồ, biên bản xác định hiện trường; vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Từ khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/5/2023, trong Phòng Kế toán và kỹ thuật của Công ty do ông Lưu Văn P, sinh năm 1957 làm giám đốc; trụ sở Công ty đặt tại nhà ông ở địa chỉ số 280 đường T, phường H, quận Đồ Sơn, Hải Phòng. T, L, T1, H thực hiện hành vi chơi bài tú lơ khơ, dưới hình thức đánh “Liêng”, được thua bằng tiền. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, lần lượt T2, L1, V đi đến nhà ông P cùng tham gia chơi đến khoảng 22 giờ 10 phút cùng ngày bị Công an quận Đồ Sơn phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc 7.040.000 (bảy triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng) cùng các vật chứng khác. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung:

[3] Các bị cáo có hành vi sử dụng tổng số tiền 7.040.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ để đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng”, được thua bằng tiền. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” với tình tiết định khung “1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...,” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4] Các bị cáo đều chưa có tiền sự, tiền án; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều “Thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải”; các bị cáo phạm tội lần này là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” nên cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo V có cha đẻ là thương binh; các bị cáo L1, T2 có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự với Nhà nước nên đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vai trò đồng phạm khi thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo:

[6] Bị cáo T rủ các bị cáo khác “Đánh bạc”, các bị cáo khác cùng đồng ý luôn; không hẹn nhau, không có sự bàn bạc, phân công người cảnh giới, người chia bài, không chuẩn bị công cụ từ trước nên xác định đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng nên phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại; bị cáo H sử dụng số tiền nhiều nhất để đánh bạc, là đồng phạm với vai trò tích cực hơn các bị cáo khác nên phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại; các bị cáo còn lại đồng phạm với vai trò sử dụng số tiền ít hơn bị cáo H nên chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt thấp hơn các bị cáo T, H.

[7] Xét toàn bộ các nội dung Kiểm sát viên đề xuất với Hội đồng xét xử đã nêu tại phần nội dung vụ án. Xác định, những đề xuất của Kiểm sát viên đều có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xác định loại hình phạt:

[8] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, các bị cáo phạm tội lần này là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, không cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[8.1] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36; khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền, khấu trừ thu nhập hàng tháng. Xét thực tế, các bị cáo đều làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, không có nguồn thu nào khác nên không phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo. Các

bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

[9] Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.040.000 đồng các bị cáo dùng để “Đánh bạc”; tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tú lơ khơ, gồm 52 lá bài, 01 chiếu cói là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào phạm tội theo Ủy nhiệm chỉ ngày 21/8/2023 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

- Về án phí:

[10] Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Các vấn đề khác: Những tình tiết có liên quan trong vụ án như đã nêu ở phần nội dung vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đồ Sơn không xử lý là phù hợp, có căn cứ. Nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Về hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 36, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Hoàng Đình T 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 15/5/2023 (06 ngày) vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; quy đổi 01 (một) ngày bị tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Đỗ Văn H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 15/5/2023 (06 ngày) vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; quy đổi 01 (một) ngày bị tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Nguyễn Tường T1, Phạm Đình L, mỗi bị cáo 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; trừ cho các bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 15/5/2023 (06 ngày) vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; quy đổi 01 (một) ngày bị tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ; mỗi bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.



Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Nguyễn Việt V, Phạm Đình L1, Lưu Văn T2 mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; trừ cho các bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 09/5/2023 đến ngày 15/5/2023 vào thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; quy đổi 01 (một) ngày bị tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ; mỗi bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo T, T1, L, V, T2, L1 cho Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục; giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau: Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Không phạt tiền đối với các bị cáo, miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo. Các bị cáo phải thực hiện một

số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.040.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tú lơ khơ, gồm 52 lá bài, 01 chiếu cói theo Ủy nhiệm chỉ ngày 21/8/2023 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

- Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo đều phải chịu 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn, HP;
- Trại giam Hải Phòng;
- Công an quận Đồ Sơn + Phòng PV 06 - CAHP;
- CQ THAHS cấp huyện + Phòng PC 10 - CAHP;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn + Sở Tư pháp HP;
- UBND xã T, huyện A, HP;
- UBND phường H, quận Đ, HP;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Hoàng**